

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 11 - 2020

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên;
2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1117/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2020/QĐXX-ST ngày 10/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Châu Hồng Ch, sinh năm 1973 (có mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An .

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố H (xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Đức A. Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố H là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Châu Hồng Ch thể hiện:

Bà Ch và ông Lê Văn D chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ vào năm 2009. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D cho rằng bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng ông không có chứng cứ; cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, ông D

thường xuyên sử dụng hung khí như búa, dây xiềng, cây tầm vông, gạch, đá để đuổi đánh bà. Ông D dùng xe đẩy trẻ em, đánh vào đầu bà, gây thương tích, phải khâu nhiều mũi trên đầu. Ngày 23/10/2020, ông D dùng đá đánh vào đầu bà, đập xe honda của bà. Đến ngày 24/10/2020, ông D tiếp tục dùng dây thừng xe honda đánh vào chân bà gây bầm tím. Ông D còn hăm dọa sẽ tạt axit. Từ khi ông D đánh vào đầu bà gây thương tích, bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 08/02/1993 và Lê Hữu Tr, sinh ngày 22/11/1994, hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà có đứng tên vay Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ Long An – Phòng giao dịch Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số tiền vay được sử dụng trong gia đình, vay trong thời kì hôn nhân. Ông D biết nhưng trong hợp đồng tín dụng chỉ một mình bà đứng tên. Ông D không đồng ý đây là nợ chung nên tại đơn khởi kiện ban đầu bà xác định nợ chung không có. Bà đề nghị Tòa án xem xét khoản nợ chung này.

Bà không có chứng cứ gì bổ sung cho Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn D trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Châu Hồng Ch về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, con chung.

Nay bà Ch nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông không thống nhất với nguyên nhân mâu thuẫn mà bà Ch trình bày. Vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng thời gian gần đây, bà Ch có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, bị ông phát hiện, chứng cứ được thể hiện qua việc bà Ch chở mẹ đẻ lên nhà người đàn ông này, khi trở về, ông bà gây gỗ, bà Ch dùng những lời lẽ thô tục để trả lời ông, đồng thời dùng cây chổi đánh vào đầu, vào tai ông nên ông có dùng xe đẩy của em bé đánh trúng vào đầu bà Ch, có trầy xước làm bà Ch bị khâu mấy mũi trên đầu. Đồng thời, 02 em trai của bà Ch cũng đánh ông ngất xỉu ở ngoài đường. Ông không dùng dây xích để đánh bà Ch như lời bà Ch trình bày. Đến ngày 24/10/2020, ông có dùng sợi dây thừng của xe honda đánh vào chân của bà Ch. Tuy nhiên, ông muốn hàn gắn lại quan hệ hôn nhân với bà Ch, chỉ cần bà Ch thay đổi, ông sẽ bỏ qua mọi lỗi lầm của bà Ch vì 02 vợ chồng lớn tuổi, sống chung mấy chục năm, ông không muốn ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 08/02/1993 và Lê Hữu Tr, sinh ngày 22/11/1994, hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 04 được xây dựng trên thửa đất của

cha mẹ bà Ch cho, ông không biết thừa đất số mấy, tờ bản đồ nào. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau này có tranh chấp liên quan đến tài sản chung, ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Ông có biết bà Ch đứng tên vay Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ Long An – Phòng giao dịch Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, vay trong thời kì hôn nhân nhưng trong hợp đồng tín dụng chỉ một mình bà Ch đứng tên vay. Ông không biết bà Ch vay tiền để làm gì nhưng có đem về sử dụng cho mục đích chung của gia đình khoảng 20.000.000 đồng, phần còn lại bà Ch tự tiêu xài cá nhân nên ông xác định đây là nợ riêng của bà Ch, không phải nợ chung, khoản nợ này không liên quan đến ông.

Ông không có chứng cứ gì nộp cho Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có văn bản trình bày:

Theo giấy triệu tập ngày 27/10/2020 kèm theo Thông báo số 1117/TB-TLVA ngày 14/10/2020 và Thông báo số 1117/TB-CCCC ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa về việc ly hôn của ông Lê Văn D và bà Châu Hồng Ch ở ấp G, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngân hàng N có ý kiến như sau:

Hiện ông Lê Văn D và bà Châu Hồng Ch đang vay vốn tại Phòng giao dịch Đ1 số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6612-LAV-201905976 ngày 16/10/2019 kèm các giấy nợ ngày 16/10/2019, 16/10/2020. Theo hợp đồng vay vốn trên, ông D, bà Ch gửi 02 bản chính giấy CNQSD đất số CI 768898, CI 768897 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Long An cấp, tổng diện tích 249,3m² cho Ngân hàng giữ hộ, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản mà không cần ý kiến của khách hàng trong trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã ký kết (theo Điều 3 hợp đồng tín dụng trên).

Hiện nay, khoản vay chưa đến hạn, Ngân hàng không yêu cầu ông D và bà Ch thanh toán nợ trước hạn. Tuy nhiên, trong trường hợp ông D và bà Ch muốn lấy các giấy CNQSD đất để phân chia tài sản thì ông D và bà Ch phải thanh toán toàn bộ số nợ vay (gốc và lãi) cho Phòng giao dịch Đ1 trước khi nhận lại tài sản mà Ngân hàng đang giữ hộ.

Với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng do đặc thù công việc của Ngân hàng nên Ngân hàng xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại các cấp xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Châu Hồng Ch nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Lê Văn D có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a

Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Ch và ông D tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ vào năm 2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Ch yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông D nghi ngờ bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường xuyên đánh đập bà. Bị đơn ông D trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng thời gian gần đây, bà Ch có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, bị ông phát hiện và thừa nhận có đánh đập bà Ch. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, chỉ cần bà Ch thay đổi, ông sẽ bỏ qua mọi lỗi lầm cho bà Ch vì 02 vợ chồng đã lớn tuổi, sống chung mấy chục năm.

Xét thấy, ông D cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng lại thường xuyên đánh đập bà Ch dẫn đến việc bà Ch không thể chung sống cùng ông D, các bên không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Mâu thuẫn giữa hai bên không hòa giải được. Tại phiên tòa, bà Ch vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông D không đồng ý, nhưng từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay ông D không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ch ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ch.

Về con chung: Đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ch trình bày có đứng tên vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ Long An – Phòng giao dịch Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, để sử dụng trong gia đình, vay trong thời kì hôn nhân với ông D, ông D biết nhưng trong hợp đồng tín dụng chỉ một mình bà đứng tên vay. Ông D không đồng ý đây là nợ chung nhưng thừa nhận có biết việc bà Ch vay Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, vay trong thời kì hôn nhân và có đem về sử dụng cho mục đích chung của gia đình khoảng 20.000.000 đồng. Theo tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp có bao gồm văn bản ủy quyền thể hiện bà Ch được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông D xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ và tại Hợp đồng tín dụng số 6612-LAV-201905976 ngày 16/10/2019, bên vay có bao gồm những ông bà có tên trong giấy ủy quyền. Từ đó, có cơ sở xác định số tiền 100.000.000 đồng vay tại Ngân hàng N - chi nhánh huyện Đ Long An – Phòng giao dịch Đ1 là nợ chung trong thời kì hôn nhân của bà Ch và ông D.

Tuy nhiên, Ngân hàng N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các bên có phát sinh tranh

chấp liên quan đến Hợp đồng tín dụng nêu trên thì được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Châu Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Châu Hồng Ch.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Hồng Ch được ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: Con chung tên Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 08/02/1993 và Lê Hữu Tr, sinh ngày 22/11/1994, hiện con đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ngân hàng N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Châu Hồng Ch phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Ch đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006597 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Ch đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND M, huyện Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Lê Thị Tho

